

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘ ĐỨC  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Vương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Thanh Sơn
2. Ông Hoàng Triệu Nghĩa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, địa chỉ: Thôn V, xã Phổ T, thị xã Đức P, tỉnh Quảng N.

- *Bị đơn:* Anh Võ Xuân P, địa chỉ: Thôn Thạch T, xã Đức L, huyện Mộ Đ, tỉnh Quảng N.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2022, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Võ Xuân P kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, lúc đầu vợ chồng

chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến cuối năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, thậm chí xô xát nhau vì bất đồng quan điểm sống, không cùng quan điểm về cách nuôi dạy con. Mặc dù vợ chồng anh chị đã nhiều lần trao đổi với nhau để tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Nay tình cảm giữa chị và anh P không còn, chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn anh Võ Xuân P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung tên Võ Nguyên K, sinh ngày 02/10/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chị yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con mỗi tháng 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Tại bản tự khai ngày 19/5/2022, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn anh Võ Xuân P trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên Võ Nguyên K, sinh ngày 02/10/2014. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị T và anh Võ Xuân P.

+ Giao con chung tên Võ Nguyên K, sinh ngày 02/10/2014 cho **anh Võ Xuân P** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Võ Xuân P kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, quan hệ hôn nhân chị T và anh P là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh P xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Chị T yêu cầu ly hôn, anh P đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh P.

[2.2] Về con chung:

Chị Nguyễn Thị T và anh Võ Xuân P có 01 con chung tên Võ Nguyên K, sinh ngày 02/10/2014. Khi ly hôn, chị T và anh P đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu K đang ở với anh Phong; đồng thời cháu K có nguyện vọng được ở với anh P nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P, giao con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh P trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Võ Xuân P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Nguyên K, sinh ngày 02/10/2014 cho **anh Võ Xuân Phong** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh P trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002352 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/8/2022).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đức Lân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Minh Vương**